

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/04/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành;

Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N - sinh năm: 1993; ĐKTT: ấp VL, xã VB, huyện CL, tỉnh BT; nơi cư trú: ấp PĐB, xã PP1, huyện CL, tỉnh BT. có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Hữu T - Sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp VL, xã VB, huyện CL, tỉnh BT. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022, biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27/9/2022 và tại phiên tòa hôm nay (bà N) trình bày: Vào năm 2012 bà và ông Huỳnh Hữu T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã VB vào ngày 02/12/2012. Thời gian chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông T thường xuyên đi nhậu về chửi bới đánh đập bà rất nhiều lần. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mỗi người có một cuộc sống riêng. Hiện tại bà N về sống với cha mẹ ruột tại xã PP1, còn ông T thì sống tại VB, ông

bà đã sống ly thân từ 3-4 năm đến nay không hàn gắn được. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà được ly hôn với ông T và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: trong quá trình sống chung bà với ông T có tạo ra 02 người con chung tên Huỳnh Khánh Đ, sinh ngày 09/4/2012 (hiện đang sống với ông T) và Huỳnh Thị Khánh N1, sinh ngày 19/4/2014 (hiện đang sống với bà N). Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung của ông bà và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn đối với bị đơn là ông T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi. Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09/9/2022 thì ông T trình bày là ông đã thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc và về con chung, tài sản, nợ chung. Ông T cùng thừa nhận là ông với bà N chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm đầu. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến mất hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn phù hợp nhau trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà N với ông T đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1] . Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng bà N và ông T không hàn gắn được nên bà N có đơn yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông T nên đây là vụ kiện: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T hiện đang cư trú tại ấp VL, xã VB, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Huỳnh Hữu T được Tòa triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung: Xét thấy, hôn nhân của bà N với ông T là trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân không có sự ép buộc. Ông bà cũng đã đi đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N cho rằng về quan hệ hôn nhân của bà với ông T đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông T đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Mặc khác, sau khi Tòa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như thông báo về việc Tòa đã công khai các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho ông nhưng ông vẫn không có văn bản phản hồi, chứng tỏ ông T không quan tâm gì đến việc hôn nhân của ông bà. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09/9/2022 chính ông T cũng đã thừa nhận cuộc sống hôn nhân của ông bà đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và tại biên bản xác minh ngày 11/11/2022 cũng cho thấy ông T và bà N đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau dẫn đến việc bà N về nhà cha mẹ ruột sống. Hơn nữa, trong quá trình thụ lý giải quyết kể cả đã qua hòa giải đối thoại nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn không chấp nhận hàn gắn. Điều đó càng chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã có sự rạn nứt như bà N trình bày. Từ các căn cứ trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: trong quá trình sống chung bà N với ông T có tạo ra 02 người con chung tên Huỳnh Khánh Đ, sinh ngày 09/4/2012 (hiện đang sống với ông T) và Huỳnh Thị Khánh N1, sinh ngày 19/4/2014 (hiện đang sống với bà N). Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung của ông bà và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản hỏi ý kiến con từ 7 tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân thì nguyện vọng cháu Đ và cháu N1 muốn sống với mẹ là bà N, hiện cháu N1 đã được bà N nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo. Bà N cũng có thu nhập ổn định và đảm bảo điều kiện nuôi con. Ông T thì từ khi Tòa thụ lý giải quyết và tổng đạt văn bản tố tụng cho ông, trong thông báo vẫn thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của bà N về con chung nhưng ông không có ý kiến phản hồi chứng tỏ ông chấp nhận yêu cầu của bà N. Hơn nữa ông T thường xuyên nhậu nhẹt nên việc giao cháu Đ cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi cho cháu Đ. Từ các cơ sở trên xét thấy việc bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung của ông bà là có căn cứ đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Tài sản và nợ chung: bà N cho rằng giữa bà và ông T có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa giải quyết về nợ chung không có. Trong quá trình giải

quyết vụ kiện ông T không có ý kiến phản hồi và cũng không có ai yêu cầu gì liên quan đến nợ chung giữa bà N với ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà N là có căn cứ pháp lý nên ghi nhận.

[6] Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Huỳnh Hữu T.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung của ông bà là cháu Huỳnh Khánh Đ, sinh ngày 09/4/2012 và Huỳnh Thị Khánh N1, sinh ngày 19/4/2014. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà N và ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà N nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0008472, ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã VB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ THÚY HẰNG